TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/KDTM-ST
Ngày : 19/6/2023
" V/v tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hồ Đắc Toàn
2. Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Qui Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/TLST-KDTM ngày 21/11/2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXX-ST ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2023/QĐST-KDTM ngày 02/6/2023, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần B

Trụ sở: Quốc Lộ 1A, Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Trí - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà Biện Thị Thùy N , sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 30 Tỉnh lộ 8, Khánh Xuân, Diên Lâm, Diên Khánh, Khánh Hòa.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH M

Trụ sở: 40 Hồ Tùng Mậu, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Huyền Diệu Á - Giám đốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty cổ phần bao bì 3/2, bà Biện Thị Thùy N trình bày:

Căn cứ hợp đồng nguyên tắc số: 01/BB32-2020/HĐNT ngày 02/01/2020 về việc mua bán thùng giấy carton các loại giữa Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH M . Theo đó, Công ty B cung cấp cho Công ty S các loại thùng carton theo mẫu thiết kế với số lượng chủng loại theo yêu cầu của Công ty M trong từng đơn đặt hàng cụ thể. Tại Điều 4 của hợp đồng quy định bên mua chuyển khoản thanh toán 100% giá trị đơn hàng dựa trên hóa đơn GTGT trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi bên bán giao hàng và chứng từ có liên quan; Điều 8 hợp đồng ghi rõ: nếu bên mua thanh toán chậm hơn thời hạn thanh toán quy định mà không phải lỗi của bên bán thì bên mua phải chịu lãi phạt với mức lãi là 0,1%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán so với thời hạn quy định.

Đến quý 4 năm 2020 hai bên đã lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, tính đến thời điểm quý 4/2020 thì Công ty S còn nợ Công ty 3/2 số tiền gốc chưa trả là 728.951.170đồng *(bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi đồng)*. Đến tháng 4/2021 Công ty TNHH M ngừng việc lấy hàng hóa của Công ty Cổ phần B nhưng Công ty Cổ phần B vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trước đây, vào tháng 4/2022 Công ty 3/2 đã khởi kiện Công ty S và được Tòa án thụ lý và hòa giải thành, Công ty S thỏa thuận trả tiền gốc cho Công ty B. Tuy nhiên vì chỗ quen biết và để tạo điều kiện cho Công ty M có điều kiện trả nợ nên Công ty B đã rút đơn. Nhưng kể từ khi rút đơn đến nay Công ty M vẫn không có thiện chí trả nợ.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, Công ty B yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng, tiền lãi phạt được tính là 01,%/ngày tương đương 36%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, Công ty B yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 728.951.170đồng *(bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi đồng)* cho Công ty B và yêu cầu trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật là 20%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử. Tất cả trả một lần dứt điểm.

Bị đơn, Công ty M, người đại diện theo pháp luật là bà Trần Huyền Diệu Á : Đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật TTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 30, biểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần bao bì 3/2 số tiền gốc còn nợ là: 728.951.170đồng *(bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi đồng)* và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày chốt công nợ đến ngày xét xử.

+ Về án phí: Công ty TNHH M phải chịu án phí KDTM theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Công ty M mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào các bản khai của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đầy đủ cơ sở để xác định:

Giữa Công ty B và Công ty M có ký kết hợp đồng nguyên tắc số: 01/BB32-2020/HĐNT ngày 02/01/2020 về việc mua bán thùng giấy carton các loại giữa Công ty B và Công ty M. Theo đó, Công ty B cung cấp cho Công ty M các loại thùng carton theo mẫu thiết kế với số lượng chủng loại theo yêu cầu của Công ty M trong từng đơn đặt hàng cụ thể.

Tính đến quý 4 năm 2020 hai bên đã lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, tại thời điểm đối chiếu công nợ thì Công ty M còn nợ Công ty B số tiền gốc chưa

trả là 728.951.170đồng *(bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn một trăm bảy mươi đồng)*. Sau khi hai bên đối chiếu và xác nhận công nợ đến nay, phía Công ty M không thành toán dứt điểm số nợ gốc còn lại cho Công ty B là vi phạm hợp đồng. Nay Công ty B yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả tiền gốc là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Công ty B yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử (19/6/2023).

Tòa xét: Theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng nguyên tắc được ký kết giữa Công ty B và Công ty M có thỏa thuận nếu bên mua hàng thanh toán chậm hơn thời hạn quy định thì phải chịu lãi với mức lãi suất 0,1%/ngày (tương đương 36%/năm). Tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay Công ty B yêu cầu Công ty M thanh toán lãi theo quy định là 20%/năm. Xét yêu cầu của Công ty B phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho Công ty M nên HĐXX chấp nhận, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử (19/6/2023) là 29 tháng 17 ngày, số tiền lãi cụ thể là: 728.951.170đ x 20%/năm x 29 tháng 17 ngày = 359.210.932đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B. Buộc Công ty M phải có nghĩa vụ trả cho Công ty B tổng số tiền là: 1.088.162.102đồng (trong đó tiền gốc là 728.951.170đ và tiền lãi là 359.210.932đ), làm tròn số là 1.088.162.000đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty S.O.F.A phải chịu 44.645.000 *(bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng.

Hoàn lại Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.901.000đồng (*hai mươi ba triệu chín trăm lẻ một nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002943 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty 3/2 là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, 8 Điều 3; khoản 1 Điều 4, các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B

1.1 Buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B số tiền là 1.088.162.000 *(Một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng* (trong đó tiền gốc là 728.951.170đồng và tiền lãi là 359.210.830đồng).

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH M phải chịu 44.645.000 *(bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Bao B số tiền 23.901.000 *(bốn mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002943 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bán án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉ T XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Huỳnh Thị Ngọc Lan